

	Ngãi				
4	Huyện Tư Nghĩa	76	78	2	
5	Huyện Nghĩa Hành	62	63	1	
6	Huyện Mộ Đức	76	78	2	
7	Huyện Đức Phổ	77	78	1	
8	Huyện Trà Bồng	65	66	1	
9	Huyện Sơn Tây	52	53	1	
10	Huyện Sơn Hà	65	66	1	
11	Huyện Minh Long	50	52	2	
12	Huyện Ba Tơ	72	73	1	
13	Huyện Lý Sơn	46	47	1	
14	Huyện Tây Trà	46	50	4	
II	Biên chế dự phòng	23	28	5	
I					
	Tổng công (I+II+III)	1912	1983	71	

CHỦ TỊCH
Nguyễn Kim Hiệu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 868/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 4 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn
và người tàn tật năm 2006**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 81/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2006/TTLT/BTC-BLĐTBXH ngày 19/01/2006 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện kinh phí hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 135/2005/QĐ-UBND ngày 12/12/2005 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản, chương trình mục tiêu Quốc gia và các chương trình khác năm 2006;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 21/TTr-SLĐTBXH ngày 31/3/2006 về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch triển khai công tác dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn và người tàn tật năm 2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn và người tàn tật năm 2006 với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. MỤC ĐÍCH:

Đào tạo, dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn tỉnh Quảng Ngãi nhằm góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm dần tỷ trọng lao động trong nông nghiệp, giải quyết việc làm cho nông dân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. ĐỐI TƯỢNG:

Là lao động nông thôn trong độ tuổi lao động chưa qua học nghề, có nhu cầu học nghề, đủ điều kiện xét tuyển vào các khóa học nghề ngắn hạn và được lựa chọn

theo thứ tự ưu tiên quy định tại mục I Thông tư Liên tịch số 06/2006/TTLT/BTC-BLĐTBXH ngày 19/01/2006 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

3. CHỈ TIÊU, MỨC CHI CỤ THỂ TỪNG KHÓA HỌC, THỜI GIAN ĐÀO TẠO VÀ NGÀNH NGHỀ ĐƯỢC CHỌN ĐỂ DẠY NGHỀ: (Phụ lục 1 kèm theo).

a. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

- Thông báo công khai về chỉ tiêu, thời gian đào tạo và ngành nghề được chọn đến các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn để lao động nông thôn biết và đăng ký học.

- Hướng dẫn các cơ sở dạy nghề được chọn ký kết hợp đồng lập dự toán chi tiết về mức chi cụ thể từng khóa học theo quy định tại Khoản 3 Mục III Thông tư Liên tịch số 06/2006/TTLT/BTC-BLĐTBXH ngày 19/01/2006 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để trình Sở Tài chính thẩm tra, quyết định phê duyệt làm cơ sở thực hiện.

b. Sở Tài chính có trách nhiệm:

Thẩm tra và quyết định phê duyệt dự toán chi tiết về mức chi cụ thể từng khóa học theo đúng quy định của Nhà nước và trên cơ sở mức chi phí từng khóa học bình quân của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh.

4. CÁC CƠ SỞ DẠY NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐƯỢC CHỌN KÝ HỢP ĐỒNG THAM GIA DẠY NGHỀ NGẮN HẠN GỒM CÓ:

- a. Trường Công nhân Cơ giới II (thuộc Bộ Nông nghiệp – Phát triển nông thôn);
- b. Trường Cao đẳng Cộng đồng Quảng Ngãi;
- c. Trường Trung học Y tế Quảng Ngãi;
- d. Trường Đào tạo nghề Dung Quất;
- e. Trung tâm Dạy nghề Thanh niên tỉnh;
- f. Trung tâm Dạy nghề Quảng Ngãi;
- g. Trung tâm Dạy nghề và Giới thiệu việc làm thuộc Hội nông dân tỉnh;
- h. Trung tâm Dạy nghề Phụ nữ tỉnh thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
- i. Trung tâm Dạy nghề Đức Phổ;
- k. Cơ sở Dạy nghề Công ty Cổ phần Giao thông Vận tải (có vốn Nhà nước);
- l. Trung tâm Dạy nghề thuộc Công ty TNHH Nguyễn Hồng Cường (TNHH);
- m. Trung tâm Dạy nghề Đăng Huy thuộc Công ty TNHH Đăng Huy (TNHH).

5. NGUỒN KINH PHÍ:

Tổng kinh phí giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn là 1.800 triệu đồng và 200 triệu để dạy nghề cho người tàn tật.

- **Về dạy nghề cho lao động nông thôn:** Giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tiến hành ký hợp đồng dạy nghề với các cơ sở Dạy nghề được chọn để dạy nghề cho lao động nông thôn đúng đối tượng theo qui định, đảm bảo sử dụng hết nguồn kinh phí được giao có hiệu quả và đúng mục đích.

- **Về dạy nghề cho người tàn tật:** Giao Trung tâm dạy nghề Quảng Ngãi xây dựng Kế hoạch trình Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt để triển khai thực hiện với tổng nguồn kinh phí là 200 triệu đồng.

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp Sở Tài chính kiểm tra quá trình triển khai thực hiện của các cơ sở dạy nghề; nếu đơn vị nào không thực hiện đảm bảo tiến độ, số lượng lao động được dạy nghề theo hợp đồng đã ký kết và theo quy định của Nhà nước thì giao Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định điều chuyển chỉ tiêu không thực hiện được của cơ sở dạy nghề đó cho cơ sở dạy nghề khác tiếp tục thực hiện đảm bảo tiến độ và sử dụng hết kinh phí theo Kế hoạch này.

Điều 2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các cơ sở dạy nghề thực hiện dạy nghề cho lao động nông thôn, đồng thời phối hợp với Sở Tài chính để thực hiện cấp phát và thanh quyết toán nguồn kinh phí này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động- Thương binh và Xã hội, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Hoàng Sơn

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: 868 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2006
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Ngành nghề	Dự kiến số học viên	Thời gian đào tạo
1.	Tin học cơ bản	500	03 tháng
2.	Thêu, rua	130	03 tháng
3.	May công nghiệp	360	03 tháng
4.	Điện dân dụng	50	03 tháng
5.	Y tế thôn bản	260	03 tháng
6.	KT Dẫn tinh viên	30	01 tháng
7.	KT sản xuất nấm rơm	90	01 tháng
8.	Sửa chữa máy nông nghiệp	100	01 tháng
9.	Chế biến gỗ	80	04 tháng
10.	Vận hành và sửa chữa máy kéo (cày) nông nghiệp	300	01 tháng
11.	Cơ điện nông thôn	180	04 tháng
12.	Chế biến thực phẩm	40	04 tháng
13.	Gò hàn	150	03 tháng
14.	Thú y	80	03 tháng
15.	Đan đất	60	02 tháng
	Tổng cộng:	2.410	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 879 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 4 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề cương và dự toán lập Quy hoạch điều chỉnh,
bổ sung vùng nguyên liệu mía tập trung tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2010**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 12/2006/QĐ-UBND ngày 10/02/2006 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Bản qui định tạm thời về một số nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 34/SNN&PTNT ngày 12/01/2006 về việc thẩm định Đề cương, dự toán kinh phí Dự án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch vùng mía nguyên liệu tập trung giai đoạn 2006-2010;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 393/TTr-SKHĐT ngày 04/4/2006 về việc phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí Dự án Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung vùng nguyên liệu mía tập trung giai đoạn 2006-2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương và dự toán lập Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung vùng nguyên liệu mía tập trung tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2010, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung vùng nguyên liệu mía tập trung tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2010.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Mục đích yêu cầu của quy hoạch:

- Rà soát 45 xã đã quy hoạch nhằm loại bỏ những xã không đạt tiêu chí quy hoạch vùng mía tập trung, điều chỉnh bổ sung những xã có qui mô diện tích trồng mía